

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2022/ DS-ST
Ngày: 26 - 07 - 2022
V/v *Tranh chấp về chia thừa kế di sản theo pháp luật*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung
2. Ông Lê Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Minh Châu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T C tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 7 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện T C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 408/2022/TLST-DS, ngày 24 tháng 3 năm 2022 về “*Tranh chấp về chia thừa kế di sản theo pháp luật*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2022/QĐST-DS ngày 08/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trương Tuấn K, sinh năm 1997; (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn T C, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Chị Trương Thị Bích Th, sinh năm 1982; (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn T C, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trương Văn L, sinh năm 1958. (có mặt)

2. Chị Trương Thị Bích T, sinh năm 1987. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị trấn T C, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

3. Ngân hàng Thương mại cổ phần K L.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị Như Ng; Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần K L – Phòng giao dịch huyện T C. (có đơn vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn T C, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

4. Ngân hàng Thương mại cổ phần A C;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn Kh; Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần A C - Phòng giao dịch T C. (có đơn vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn T C, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án của anh Trương Tuấn K là nguyên đơn như sau:

Anh K là con ruột của ông Trương Văn L và bà Phan Thị Tr. Trong thời gian chung sống, ông L và bà Tr có 03 người con chung gồm: Chị Trương Thị Bích Th, chị Trương Thị Bích T và anh Trương Tuấn K. Khi bà Tr còn sống có gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP A C - Phòng giao dịch T C số tiền 400.000.000 đồng và Ngân hàng TMCP K L - Phòng giao dịch T C số tiền 1.000.000.000 đồng. Đến ngày 04 tháng 11 năm 2021 bà Phan Thị Tr chết không có để lại di chúc. Sau khi bà Tr chết, gia đình muốn rút số tiền tại các Ngân hàng này để phân chia lại cho các thành viên trong gia đình nhưng chị Trương Thị Bích Th không đồng ý ký tên làm thủ tục rút tiền ra. Do đó, anh Trương Tuấn K yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T C giải quyết chia di sản thừa kế của bà Phan Thị Tr gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP A C phòng giao dịch T C 400.000.000 đồng, Ngân hàng TMCP K L phòng giao dịch T C 1.000.000.000 đồng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay anh Trương Tuấn K thừa nhận số tiền 1.400.000.000 đồng mà bà Phan Thị Tr gửi tiết trong các ngân hàng là tài sản chung của ông Trương Văn L và bà Phan Thị Tr nên đồng ý chia cho ông L $\frac{1}{2}$ số tiền này, số tiền còn lại (bao gồm tiền vốn gốc và tiền lãi phát sinh) thì đồng ý chia theo quy định của pháp luật.

- Chị Trương Thị Bích Th là bị đơn có lời khai:

Chị Th thống nhất số tiền mà mẹ ruột của chị là bà Phan Thị Tr gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP A C - Phòng giao dịch T C 400.000.000 đồng và Ngân hàng TMCP K L - Phòng giao dịch T C 1.000.000.000 đồng là di sản thừa kế của bà Tr để lại. Nay chị Th đồng ý Tòa án chia theo quy định pháp luật cho 04 người trong gia đình gồm ông Trương Văn L, chị Trương Thị Bích Th, chị Trương Thị Bích T và anh Trương Tuấn K.

- Ông Trương Văn L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông L là chồng của bà Phan Thị Tr, số tiền bà Phan Thị Tr gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP A C - Phòng giao dịch T C 400.000.000 đồng và Ngân hàng TMCP K L - Phòng giao dịch T C 1.000.000.000 đồng. có nguồn gốc do vợ chồng ông tích lũy từ việc mua bán phân bón, tiền cho người khác thuê đất, ông L chạy ô tô khách mà có. Mục đích gửi tiền ngân hàng là để vợ chồng ông dưỡng già. Bà Tr chết vào năm 2021 không có để lại di chúc, do các con trong gia đình chưa thống

nhất việc rút số tiền này nên nay ông L yêu cầu Tòa án giải quyết chia cho ông một nửa số tiền nêu trên, phần tiền còn lại, cộng với tiền lãi phát sinh thì yêu cầu Tòa án chia theo quy định của pháp luật cho ông và 03 người con là Trương Thị Bích Th, Trương Thị Bích T và Trương Tuấn K.

Thời điểm trước khi bà Tr mất thì vợ chồng ông không có thiếu nợ ai.

- *Chị Trương Thị Bích T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Chị T thống nhất di sản thừa kế của bà Phan Thị Tr là số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP A C - Phòng giao dịch T C 400.000.000 đồng, Ngân hàng TMCP K L - Phòng giao dịch T C 1.000.000.000 đồng. Số tiền này là tài sản chung của ông Trương Văn L và bà Phan Thị Tr nên đồng ý chia cho ông L $\frac{1}{2}$ số tiền này, phần tiền còn lại tính luôn số tiền lãi phát sinh thì đồng ý chia theo quy định của pháp luật.

- *Đại diện Ngân hàng TMCP K L - Phòng giao dịch T C có văn bản với nội dung:* Bà Phan Thị Tr có gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP K L số tiền 1.000.000.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 26/7/2022 là 956.164 đồng. Ngân hàng sẽ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật theo quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật và theo quy định nội bộ của Ngân hàng TMCP K L.

- *Đại diện Ngân hàng TMCP A C phòng giao dịch T C có văn bản với nội dung:* Bà Phan Thị Tr có gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP A C số tiền 400.000.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 26/7/2022 là 14.616.438 đồng. Ngân hàng sẽ xử lý chi trả khi có quyết định của Tòa án về người hợp lệ nhận chi trả khoản tiết kiệm này.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát:

Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thu lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng: Các đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên chưa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35, 39, 91, 147, 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 623, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trương Tuấn K về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản do bà Phan Thị Tr để lại.

Chấp nhận yêu cầu của ông Trương Văn L về việc chia tài sản chung của vợ chồng. Ông L được hưởng $\frac{1}{2}$ của số tiền bằng 700.000.000 đồng và phần lãi phát sinh (nếu có).

Ông L, chị Th, chị T, anh K mỗi người được hưởng 01 suất thừa kế của bà Trình bằng 175.000.000 đồng (cộng lãi nếu có).

Về án phí: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ vào khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 10 năm đối với động sản. Do bà Phan Thị Tr chết vào năm 2021 không để lại di chúc, nay các đương sự tranh chấp di sản thừa kế là số tiền bà Tr gửi tiết kiệm tại ngân hàng nên thời hiệu thừa kế vẫn còn.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp về chia thừa kế di sản theo pháp luật*” và do các đương sự cư trú trên địa bàn huyện T C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T C theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với chị Trương Thị Bích Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đại diện Ngân hàng TMCP K L và Ngân hàng TMCP A C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Trương Thị Bích Th và đại diện Ngân hàng TMCP K L và Ngân hàng TMCP A C.

[2] Về nội dung vụ án: Anh Trương Tuấn K yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia thừa kế di sản theo pháp luật đối với số tiền bà Phan Thị Tr gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP A C - Phòng giao dịch T C 400.000.000 đồng và Ngân hàng TMCP K L phòng giao dịch T C 1.000.000.000 đồng.

Ông Trương Văn L yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và chia thừa kế di sản theo quy định pháp luật.

[3] Tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất bà Phan Thị Tr chết vào ngày 04/11/2021, bà Tr và ông Trương Văn L có 03 người con chung gồm chị Trương Thị Bích Th, chị Trương Thị Bích T và anh Trương Tuấn K. Cha, mẹ ruột của bà Phan Thị Tr đều đã chết. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 thì hàng thừa kế thứ nhất của bà Phan Thị Tr gồm: Ông Trương Văn L là chồng bà Tr và các con ruột của bà Tr là chị Trương Thị Bích Th, chị Trương Thị Bích T và anh Trương Tuấn K.

[4] Về nguồn gốc số tiền bà Tr gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP A C phòng giao dịch T C và Ngân hàng TMCP K L phòng giao dịch T C. Qua các tài liệu, chứng cứ các đương sự cung cấp thể hiện số tiền 1.400.000.000 đồng mà bà

Tr gửi tiết kiệm là tài sản chung của bà Tr và ông Trương Văn L hình thành trong thời kỳ hôn nhân, ông L có công sức đóng góp tạo nên khối tài sản này, tại phiên tòa các con ông L là chị T, anh K đều thừa nhận. Do đó căn cứ các Điều 66 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ông L được chia $\frac{1}{2}$ khối tài sản. Số tiền còn lại được chia theo quy định của pháp luật cho 04 người gồm: ông L, chị Th, chị T và anh K.

[5] Do toàn bộ số tiền trên đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nên Hội đồng xét xử quyết định phân chia như sau:

- Đối với số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP A C phòng giao dịch T C theo số tài khoản 332088379 bao gồm tiền vốn gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử (ngày 26/7/2022) là 14.616.438 đồng. Ông Trương Văn L được chia số tiền 250.000.000 đồng vốn gốc và 9.135.273 đồng tiền lãi; chị Trương Thị Bích Th, chị Trương Thị Bích T và anh Trương Tuấn K mỗi người được chia số tiền 50.000.000 đồng tiền vốn gốc và 1.827.054 đồng tiền lãi.

- Đối với số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP K L phòng giao dịch T C theo 02 số tiết kiệm: số KL024355, số tài khoản 36021443 và số KL024356, số tài khoản 36021373 bao gồm tiền vốn gốc 1.000.000.000 đồng và 956.164 đồng tiền lãi (tính đến ngày xét xử 26/7/2022): Ông Trương Văn L được hưởng 625.000.000 đồng tiền vốn gốc và 597.602 đồng tiền lãi; chị Trương Thị Bích Th, chị Trương Thị Bích T và anh Trương Tuấn K mỗi người được hưởng 125.000.000 đồng tiền vốn gốc và 119.520 đồng tiền lãi.

Do các đương sự khai bà Tr không phải thực hiện nghĩa vụ tài sản nào, ngoài tài sản trên thì không còn tài sản khác để chia thừa kế theo pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Trương Văn L thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Đối với chị Trương Thị Bích T, chị Trương Thị Bích Th và anh Trương Tuấn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với với số tiền được chia.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Xét thấy quan điểm của kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 612, 613, 623, 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 33, 66 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Tuấn K về việc yêu cầu Tòa án phân chia thừa kế di sản theo pháp luật của bà Phan Thị Tr.

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và chia thừa kế di sản theo quy định pháp luật của ông Trương Văn L, cụ thể như sau:

- Đối với số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP A C phòng giao dịch T C theo số tài khoản 332088379 bao gồm tiền vốn gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử (ngày 26/7/2022) là 14.616.438 đồng. Ông Trương Văn L được chia số tiền 250.000.000 đồng vốn gốc và 9.135.273 đồng tiền lãi; chị Trương Thị Bích Th, chị Trương Thị Bích T và anh Trương Tuấn K mỗi người được chia số tiền 50.000.000 đồng tiền vốn gốc và 1.827.054 đồng tiền lãi.

- Đối với số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP K L phòng giao dịch T C theo 02 số tiết kiệm: số KL024355, số tài khoản 36021443 và số KL024356, số tài khoản 36021373 bao gồm tiền vốn gốc 1.000.000.000 đồng và 956.164 đồng tiền lãi (tính đến ngày xét xử 26/7/2022): Ông Trương Văn L được hưởng 625.000.000 đồng tiền vốn gốc và 597.602 đồng tiền lãi; chị Trương Thị Bích Th, chị Trương Thị Bích T và anh Trương Tuấn K mỗi người được hưởng 125.000.000 đồng tiền vốn gốc và 119.520 đồng tiền lãi.

2. Kể từ sau ngày xét xử (trong trường hợp các đương sự không rút số tiền nêu trên tại Ngân hàng) thì ông L, chị Th, chị T và anh K được tiếp tục hưởng số tiền lãi phát sinh tương ứng với số tiền vốn gốc mà mỗi người được chia với mức lãi suất theo quy định của Ngân hàng TMCP A C và Ngân hàng TMCP K L.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trương Văn L.

Buộc chị Trương Thị Bích Th, chị Trương Thị Bích T mỗi người nộp 8.847.328 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Trương Tuấn K nộp 8.847.328 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 8.750.000 đồng anh Trương Tuấn K đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0008913 ngày 24 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T C. Anh K còn phải tiếp tục nộp 97.328 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T C;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện T C;
- Đương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Tùng